

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 302 /QĐ-CDYTBM

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng
cho sinh viên cao đẳng chính quy tham dự thi tốt nghiệp tháng 9/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Căn cứ Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-BM ngày 01 tháng 7 năm 2020 của BVBM Bạch Mai về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-CDYTBM ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai về Quy chế đào tạo theo niên chế;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-CDYTBM ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo theo niên chế được ban hành theo Quyết định số 63/QĐ-CDYTBM ngày 14 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-CDYTBM ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng chính quy năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 116/QĐ-CDYTBM ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch tổ chức thi Tốt nghiệp Cao đẳng chính quy năm 2025 lần 2;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2025 (Phiên 5) ngày 24 tháng 9 năm 2025;

Xét đề nghị của phòng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên cao đẳng chính quy tham dự thi tốt nghiệp tháng 9/2025 (có danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Ngành	Tổng
1	Điều dưỡng	26
2	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	07
3	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	07
4	Kỹ thuật Vật lý trị liệu & Phục hồi chức năng	06
	Tổng	46

Điều 2. Các Ông, Bà Phó Hiệu trưởng, Trưởng các Phòng/Khoa và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu HCTH, PĐT.



Đào Xuân Cơ



BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025 CHO SINH VIÊN
THAM DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 9/2025

(Theo Quyết định số 362 /QĐ-CDYTBM ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai)

STT	STT ngành	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC toàn khóa	Điểm bài thi tốt nghiệp			Số MH/MD thi lại, học lại	Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Chính trị (ĐK)	LT THNN	THNN				
1	1	22Q30110125	Điều dưỡng 10A	Phạm Huy	Hoàng	28.01.2004	Nam	6,8	Không phải thi	6,0	5,5	10	6,2	Trung bình	
2	2	22Q30110134	Điều dưỡng 10A	Tạ Phương	Linh	29.02.2004	Nữ	6,8		7,0	7,5	15	7,1	Khá	
3	3	22Q30110203	Điều dưỡng 10B	Đặng Thị Ngọc	Anh	22.03.2004	Nữ	6,8		6,5	6,5	8	6,7	Trung bình	
4	4	22Q30110207	Điều dưỡng 10B	Tạ Lan	Anh	08.03.2004	Nữ	6,5		6,5	7,5	12	6,8	Trung bình	
5	5	22Q30110225	Điều dưỡng 10B	Trần Thị	Huyền	23.01.2004	Nữ	6,8		5,0	5,5	10	6,1	Trung bình	
6	6	22Q30110233	Điều dưỡng 10B	Trần Khánh	Linh	17.11.2004	Nữ	6,5		5,5	5,5	9	6,0	Trung bình	
7	7	22Q30110342	Điều dưỡng 10C	Trương Thị Quỳnh	Mai	04.10.2003	Nữ	6,9		6,0	6,5	4	6,6	Trung bình	
8	8	22Q30110408	Điều dưỡng 10D	Lê Văn	Bình	12.10.2004	Nam	6,1		6,0	6,0	16	6,0	Trung bình	
9	9	22Q30110448	Điều dưỡng 10D	Lê Hà	Phương	30.12.2004	Nữ	6,6		7,0	5,5	12	6,3	Trung bình	
10	10	22Q30110462	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Lâm	Tú	20.01.2004	Nữ	6,6		5,5	5,0	14	5,9	Trung bình	
11	11	22Q30110510	Điều dưỡng 10E	Lê Thị Thanh	Chúc	25.12.2004	Nữ	6,5		6,0	6,5	19	6,4	Trung bình	
12	12	20Q30181421	Điều dưỡng 10G	Phạm Thị	Ly	15.04.2002	Nữ	6,6		6,5	7,5	9	6,9	Trung bình	
13	13	22Q30110623	Điều dưỡng 10G	Ngô Thị Minh	Hiền	22.01.2004	Nữ	6,5		6,0	5,0	10	5,9	Trung bình	
14	14	22Q30110630	Điều dưỡng 10G	Doãn Trần Tùng	Lâm	27.09.2004	Nam	6,6		6,5	7,0	11	6,7	Trung bình	
15	15	22Q30110640	Điều dưỡng 10G	Bạc Thị Trà	My	07.08.2004	Nữ	6,7		5,5	5,5	17	6,1	Trung bình	

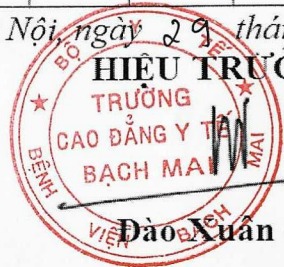
✓ *Uke*

STT	STT ngành	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC toàn khóa	Điểm bài thi tốt nghiệp			Số MH/ MB thi lại, học lại	Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Chính trị (ĐK)	LT THNN	THNN				
16	16	22Q30110653	Điều dưỡng 10G	Mai Phương	Thảo	07.11.2004	Nữ	6,4	Không phải thi	7,0	6,5	11	6,5	Trung bình	
17	17	22Q30110655	Điều dưỡng 10G	Trần Thị Thanh	Thảo	17.12.2004	Nữ	6,5		6,0	6,5	11	6,4	Trung bình	
18	18	22Q30110703	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30.12.2004	Nữ	6,7		6,5	7,0	11	6,8	Trung bình	
19	19	22Q30110711	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị	Ánh	02.01.2004	Nữ	6,3		7,0	6,0	10	6,3	Trung bình	
20	20	22Q30110712	Điều dưỡng 10H	Dương Việt	Đức	27.11.2004	Nam	6,2		5,5	6,5	14	6,2	Trung bình	
21	21	22Q30110718	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Văn	Hiếu	07.02.2004	Nam	6,3		6,5	5,0	14	5,9	Trung bình	
22	22	22Q30110723	Điều dưỡng 10H	Chữ Văn	Huy	22.05.2004	Nam	6,5		6,5	7,5	13	6,8	Trung bình	
23	23	22Q30110754	Điều dưỡng 10H	Tạ Thị Phương	Thảo	23.06.2004	Nữ	6,4		5,5	6,5	16	6,3	Trung bình	
24	24	22Q30110756	Điều dưỡng 10H	Vũ Thanh	Thảo	15.01.2004	Nữ	6,7		6,0	5,0	12	6,0	Trung bình	
25	25	22Q30110762	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Khánh	Vân	14.12.2004	Nữ	6,6		5,5	6,5	13	6,4	Trung bình	
26	26	22Q30110741	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thu	Ngân	08.10.2004	Nữ	6,6		7,5	6,5	6	6,7	Trung bình	Thi lại TN môn THNN
27	1	22Q60290128	XNYHK9	Lê Hồng	Nhi	19.02.2004	Nữ	6,7		6,0	6,0	12	6,4	Trung bình	
28	2	22Q60290138	XNYHK9	Nguyễn Đức	Trí	12.03.2004	Nam	6,5		5,5	6,0	12	6,2	Trung bình	
29	3	22Q60290109	XNYHK9	Lê Tiến	Dũng	26.02.2004	Nam	6,6		5,0	9,0	10	7,1	Khá	Thi lại TN môn LTTHNN
30	4	21Q60280130	XNYHK9	Hoàng Quốc	Khánh	30.12.2003	Nam	6,2		5,0	8,0	10	6,6	Trung bình	Thi lại TN môn LTTHNN
31	5	22Q60290123	XNYHK9	Dương Thanh	My	07.11.2004	Nữ	6,9		7,0	7,0	9	7,0	Khá	Thi lại TN môn LTTHNN
32	6	22Q30110142	XNYHK9	Hoàng Thị Kim	Oanh	23.10.2004	Nữ	7,0		5,5	8,0	5	7,1	Khá	Thi lại TN môn LTTHNN

STT	STT ngành	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC toàn khóa	Điểm bài thi tốt nghiệp			Số MH/ MĐ thi lại, học lại	Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Chính trị (ĐK)	LT THNN	THNN				
33	7	21Q60280134	XNYHK8	Nguyễn Khánh	Linh	02/3/2003	Nữ	6,2	5,0	5,5	5,0	9	5,7	Trung bình	Thi lại TN môn LTTHNN
34	1	22Q60190105	HAYHK9	Nguyễn Tiến	Dũng	07.06.2004	Nam	6,4	Không phải thi	7,5	7,0	16	6,8	Trung bình	
35	2	22Q60190113	HAYHK9	Phạm Đức	Hiếu	03.08.2004	Nam	6,1		6,5	7,5	17	6,6	Trung bình	
36	3	22Q60190114	HAYHK9	Nguyễn Văn	Hòa	25.05.2004	Nam	6,2		5,5	5,5	12	5,9	Trung bình	
37	4	22Q60190117	HAYHK9	Lê Quang	Hưng	02.01.2004	Nam	6,9		7,0	9,0	11	7,6	Khá	
38	5	22Q60190128	HAYHK9	Tổng Hồng	Quang	29.12.2003	Nam	6,9		6,5	8,5	5	7,4	Khá	
39	6	22Q60190109	HAYHK9	Nguyễn Thu	Hà	20.12.2004	Nữ	6,4		5,0	7,5	8	6,5	Trung bình	Thi lại TN môn LTTHNN
40	7	22Q60190137	HAYHK9	Nguyễn Nam	Trường	29.11.2004	Nam	6,6		6,0	7,5	13	6,8	Trung bình	Thi lại TN môn LTTHNN
41	1	22Q60490123	PHCN K9	Nguyễn Quốc	Khánh	01.02.2004	Nam	6,5		6,5	7,0	13	6,7	Trung bình	
42	2	22Q60490131	PHCN K9	Vũ Thị Khánh	Ly	02.09.2004	Nữ	6,9		7,5	7,5	7	7,2	Khá	
43	3	22Q60490132	PHCN K9	Nguyễn Xuân	Mai	22.03.2004	Nữ	6,7		6,5	5,5	6	6,3	Trung bình	
44	4	22Q60490134	PHCN K9	Lương Hồng	Nhung	24.10.2004	Nữ	6,5		5,5	7,0	17	6,5	Trung bình	
45	5	22Q60490137	PHCN K9	Lý Thái	Son	21.07.1998	Nam	6,9		6,5	8,5	9	7,4	Khá	
46	6	22Q60490138	PHCN K9	Vũ Hoàng	Thắng	14.04.2003	Nam	6,5		6,5	6,0	18	6,3	Trung bình	

Tổng số: 46
Ngành Điều dưỡng: 26
Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (KT XNYHK9, K8 thi lại): 07
Ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học (KT HAYH): 07
Ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu & PHCN (KT VLTL & PHCN): 06

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025



Đào Xuân Cơ

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025
KỲ THI THÁNG 9/2025

(Theo Quyết định số 302/QĐ-CDYTBM ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai)

STT	STT ngành	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC toàn khóa	Điểm bài thi tốt nghiệp			Số MH/MD thi lại, học lại	Ghi chú
									Chính trị (ĐK)	LT THNN	THNN		
1	1	22Q30110240	Điều dưỡng 10B	Phạm Thanh	Nhàn	12.02.2003	Nữ	7,0	Không phải thi	6,5	4,5	4	THNN <5.0
2	2	22Q30110708	Điều dưỡng 10H	Trịnh Mai	Anh	13.12.2004	Nữ	5,8		4,5	6,0	15	LT THNN < 5.0
3	1	20Q60270131	XNYHK9	Vũ Nhật	Trường	13/01/2002	Nam	6,3		5,5	4,0	14	THNN < 5.0
4	1	21Q60180831	HAYHK9	Hoàng Bảo	Minh	05/02/2003	Nam	5,9		4,5	6,5	17	LT THNN < 5.0
5	2	22Q60190136	HAYHK9	Nguyễn Thị	Trang	22.06.2003	Nữ	6,8		4,5	9,5	15	Thi lại TN môn LTTHNN, Điểm thi LTTHNN <5

Tổng số: 05
Ngành Điều dưỡng: 02
Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (KT XNYH): 01
Ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học (KT HAYH): 02

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025



Đào Xuân Cơ